Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9208.90.90

Mã HS	9208.90.90
Mô tả hàng hóa	Hộp nhạc, đàn organ phiên chợ, đàn quay gió của người hát rong trên đường phố, nhạc cụ cơ khí tạo tiếng chim hót, đàn kéo và các nhạc cụ khác không thuộc bất kỳ nhóm nào khác của Chương này; dụng cụ tạo âm thanh để nhử mồi các loại; còi, tù và và dụng cụ thổi bằng miệng khác để tạo âm thanh / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 13:54:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/92089090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18393
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18393
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18393
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17722
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17651
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17651
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17651
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17651
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17651
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17651
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17707
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17707
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17707
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17707

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17707
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17707
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17708
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17708
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17708
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17708
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17708
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17708
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17713
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17669
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17665
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17665
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17665
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17665
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17665
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17665
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17711
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17711
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17711
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17711
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17711
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17711
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17773
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17773
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17773
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17773

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17773
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17773
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17751
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17751
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17751
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17751
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17751
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17751
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17744
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17744
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17744
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17744
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17744
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17744
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17774
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17774
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17774
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17774
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17774
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17774
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17773
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17773
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17773
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17773
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17773
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17773

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17867
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17867
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17867
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17867
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17867
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17867
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17867
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17736
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17736
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17736
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17736
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17736
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17736
RCEP B	2022	2022	0	B!D17736
RCEP B	2023	2023	0	B!E17736
RCEP B	2024	2024	0	B!F17736
RCEP B	2025	2025	0	B!G17736
RCEP B	2026	2026	0	B!H17736
RCEP B	2027	2027	0	B!I17736
RCEP C	2022	2022	0	C!D17734
RCEP C	2023	2023	0	C!E17734
RCEP C	2024	2024	0	C!F17734
RCEP C	2025	2025	0	C!G17734
RCEP C	2026	2026	0	C!H17734
RCEP C	2027	2027	0	C!I17734
RCEP D	2022	2022	0	D!D17733

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17733
RCEP D	2024	2024	0	D!F17733
RCEP D	2025	2025	0	D!G17733
RCEP D	2026	2026	0	D!H17733
RCEP D	2027	2027	0	D!I17733
RCEP E	2022	2022	0	E!D17737
RCEP E	2023	2023	0	E!E17737
RCEP E	2024	2024	0	E!F17737
RCEP E	2025	2025	0	E!G17737
RCEP E	2026	2026	0	E!H17737
RCEP E	2027	2027	0	E!I17737
RCEP F	2022	2022	0	F!D17736
RCEP F	2023	2023	0	F!E17736
RCEP F	2024	2024	0	F!F17736
RCEP F	2025	2025	0	F!G17736
RCEP F	2026	2026	0	F!H17736
RCEP F	2027	2027	0	F!I17736
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F16620
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G16620
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H16620
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I16620

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9208.90 có 2 dòng thuế; dòng 9208.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9208.90.10 Dụng cụ tạo âm thanh để nhử mồi, tù và và các dụng cụ thổi bằng miệng khác để tạo âm thanh	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9208.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 9208.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18393), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.